

Bản án số: 01/2018/HS-ST
Ngày 03 - 01 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Duy Tuân

Ông Đỗ Văn Thư

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Tình – Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2017/TLST- HS ngày 10 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2017/QĐXXST - HS ngày 11 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn B – sinh năm 1980, tại Hải Phòng; ĐKTT và nơi cư trú: Xóm 1, thôn Đ1, xã Hi, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: không biết đọc, biết viết; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N (đã chết) và bà Vũ Thị L; có vợ: Phan Thị L1 – sinh năm 1983; có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 20 tháng 7 năm 2017, tạm giam ngày 27 tháng 7 năm 2017; có mặt tại phiên toà.

2. Vũ Đức Đ – sinh năm 1970, tại Hải Phòng; ĐKTT: Số 3, cụm Đ2, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức M và bà Ngô Thị L2; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Tại bản án số 273/HSST ngày 26 tháng 9 năm 1990 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã xử phạt bị cáo Vũ Đức Đ 07 năm tù về tội “Cướp tài sản của công dân” (đã được xóa án); bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 21 tháng 7 năm 2017, tạm giam ngày 27 tháng 7 năm 2017; có mặt tại phiên toà.

- *Người có quyền lợi liên quan:* Anh Trương Văn T1 – sinh năm 1985; địa chỉ: Thôn T2, xã Đ2, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ Những người làm chứng: Anh Nguyễn Đại L3 - sinh năm 1990, địa chỉ: Thôn H1, xã Đ2, huyện A, thành phố Hải Phòng và bà Trần Thị T3 - sinh năm 1965, địa chỉ: Thôn K1, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 20 tháng 7 năm 2017, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân, lực lượng Công an huyện A đã tiến hành kiểm tra, bắt quả tang Nguyễn Văn B đang có hành vi bán trái phép chất ma túy cho Trương Văn T1 tại khu vực thôn K1, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vật chứng thu giữ gồm có: Thu của Trương Văn T1 01 gói nilon màu trắng kích thước 3x4cm, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng trong túi quần bên trái của T1 đang mặc, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh trắng; thu giữ của Nguyễn Văn B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu đỏ đã qua sử dụng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Viva màu xanh BKS 34F4 – 2780 cùng 01 đăng ký xe mang tên Vũ Thị H2, số tiền 2.950.000đ (trong đó có 450.000đ tiền mua ma túy do T1 trả cho B, 2.500.000đ là tiền cá nhân của B). Lực lượng Công an đã đưa Nguyễn Văn B, Trương Văn T1 và vật chứng thu giữ về trụ sở Công an xã H để điều tra làm rõ.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn B khai nhận: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 20 tháng 7 năm 2017, khi đang ở nhà thì B nhận được điện thoại của Trương Văn T1 hỏi mua 01 túi ma túy đá với giá 450.000đ. B đồng ý bán ma túy cho T1 nên đã điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Viva màu xanh BKS 34F4 – 2780 đến nhà Vũ Đức Đ ở thôn T, xã H mua ma túy để bán lại cho T1 nhằm mục đích kiếm lời. Khi đến nơi, Nguyễn Văn B thỏa thuận mua 01 gói ma túy đá của Vũ Đức Đ với giá 250.000đ; B đã trả tiền và nhận ma túy đá của Đ đưa rồi cho ma túy vào túi nilon do B chuẩn bị từ trước, dùng bật lửa hơi mép túi lại. Sau đó B gọi điện hẹn gặp T1 tại quán nước ở khu vực thôn K1 để giao ma túy. Khi cả hai đang thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang. Ngoài lần bán ma túy cho T1 bị bắt quả tang nêu trên, vào hồi 12 giờ 30 phút ngày 19 tháng 7 năm 2017, khi Nguyễn Văn B đang ở nhà nghỉ B1 (địa chỉ: Thôn K1, xã H, huyện A) cùng với một người phụ nữ tên H3 (B không biết họ tên, địa chỉ, lai lịch cụ thể) thì T1 gọi điện hỏi mua 01 gói ma túy đá với giá 450.000đ, B đã nói với H3 đưa cho B 01 gói ma túy rồi

cho vào vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng, đi ra quán nước gần đó đưa cho T1 và nhận của T1 450.000đ về đưa lại cho H3.

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Đức Đ khai nhận đã có hành vi bán trái phép chất ma túy cho B như Nguyễn Văn B đã khai nhận. Về nguồn gốc số ma túy bán cho B, Đ khai: Vào khoảng 07 giờ ngày 20 tháng 7 năm 2017, Đ đến khu vực đường tàu Trần Nguyên Hãn mua của một người đàn ông không quen biết 01 túi ma túy đá với giá 400.000đ. Về đến nhà Đ sử dụng hết 3/4, số còn lại Đ bán cho B với giá 250.000đ. Cơ quan điều tra đã thu giữ của Đ 01 điện thoại di động Nokia, 01 điện thoại di động Iphone 4 và số tiền 250.000đ có được do bán ma túy cho B.

Tại kết luận giám định số 913/PC54(MT) ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận:

Mẫu tinh thể thu giữ của Trương Văn T1 gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 0,3388 gam, là loại Methamphetamine.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn B và Vũ Đức Đ đã khai nhận như nội dung trên. Việc mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo nhằm mục đích kiếm lời.

Công bố lời khai người liên quan Trương Văn T1 và những người làm chứng khai có nội dung như các bị cáo đã khai tại phiên tòa.

Tại Cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ag đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn B về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; truy tố bị cáo Vũ Đức Đ về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, phân hóa vai trò các bị cáo, nêu các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn B và Vũ Đức Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B từ 08 năm đến 09 năm tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Vũ Đức Đ từ 30 đến 36 tháng tù về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn B từ 07 đến 10 triệu đồng, bị cáo Vũ Đức Đ từ 05 đến 10 triệu đồng để sung vào công quỹ nhà nước.

Về vật chứng: Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 41, Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 1, các điểm a, b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự

Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định;

Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước số tiền 900.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu đỏ đã qua sử dụng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Viva màu xanh BKS 34F4 – 2780 cùng 01 đăng ký xe mang tên Vũ Thị H2 thu giữ của Nguyễn Văn B; số tiền 250.000đ thu giữ của Vũ Đức Đ

Trả lại cho Nguyễn Văn B số tiền 2.050.000đ, cho Vũ Đức Đ 01 điện thoại di động Nokia, 01 điện thoại di động Iphone 4 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho Trương Văn T1 01 điện thoại Nokia màu xanh trắng đã thu giữ trong vụ án.

Khi nói lời nói sau cùng, các bị cáo Nguyễn Văn B, Vũ Đức Đ đã ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện A, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện A, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với Biên bản bắt giữ người

phạm tội quả tang do Công an huyện A lập vào hồi 10 giờ 50 phút ngày 20 tháng 7 năm 2017, phù hợp với Bản kết luận giám định số 913/PC54(MT) ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an thành phố Hải Phòng, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi liên quan Trương Văn T1 và những người làm chứng; phù hợp với vật chứng đã được thu giữ, kết hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Nguyễn Văn B và Vũ Đức Đ đã có hành vi mua bán trái phép Methamphetamine, trọng lượng Methamphetamine là 0,3388g.

Theo Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính Phủ thì Methamphetamine có số thứ tự 67 thuộc danh mục II - Danh mục các chất ma túy.

Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, gây mất trật tự trị an xã hội, gây nguy hiểm cho xã hội. Như vậy, hành vi mua bán Methamphetamine trái phép nhằm mục đích kiếm lời của các bị cáo đã phạm vào tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Xét tình tiết định khung hình phạt:

+ Đối với bị cáo Vũ Đức Đ: Các bị cáo đã có hành vi mua bán trái phép 0,3388 gam Methamphetamine nên hành vi của bị cáo Vũ Đức Đ đã vi phạm khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Văn B: Bị cáo Nguyễn Văn B đã có hành vi hai lần bán trái phép chất ma túy cho Trương Văn T1 nên hành vi của bị cáo đã vi phạm điểm b Khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 “Phạm tội nhiều lần”.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hành vi phạm tội:

Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng; việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy không chỉ ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, trí lực của con người, mà từ ma túy đã làm phát sinh nhiều tội phạm khác và là một trong những nguyên nhân làm lan truyền căn bệnh HIV/AIDS, là hiểm họa đối với mọi gia đình và xã hội. Chính vì vậy, đối với hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại bản án số 273/HSST ngày 26 tháng 9 năm 1990 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã xử phạt bị cáo Vũ Đức Đ 07 năm tù về tội “Cướp tài sản của công dân”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù. Về khoản tiền án phí hình sự, theo quyết định của bản

án, bị cáo phải nộp 15.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm nhưng qua xác minh không xác định được việc bị cáo đã thi hành khoản tiền án phí hình sự hay chưa nên theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo thì bản án này đã được xóa án tích vì vậy các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn; tỏ ra ăn năn, hối cải nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo Vũ Đức Đ có bố, mẹ là ông Vũ Đức M và bà Ngô Thị L2 được nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Về phân hoá vai trò của các bị cáo trong vụ án như sau:

+ Đối với bị cáo Nguyễn Văn B: Bị cáo Nguyễn Văn B là người tích cực thực hiện hành vi phạm tội hơn bị cáo Vũ Đức Đ, bị cáo thực hiện hành vi mua đi rồi bán lại nên bị cáo có vai trò xuyên suốt và cao nhất trong vụ án.

+ Đối với bị cáo Vũ Đức Đ: Bị cáo Vũ Đức Đ là người thực hiện hành vi tội phạm nhưng ở mức độ thấp hơn bị cáo Nguyễn Văn B nên vai trò của bị cáo thấp hơn vai trò của bị cáo Nguyễn Văn B.

Bị cáo Nguyễn Văn B có vai trò cao hơn bị cáo Vũ Đức Đ, có ít tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hơn bị cáo Vũ Đức Đ và phải chịu tình tiết định khung tăng nặng nên hình phạt phải cao hơn bị cáo Vũ Đức Đ.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 người phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 500.000.000đ để sung vào công quỹ Nhà nước. Xét hoàn cảnh gia đình, tính chất mức độ tội phạm do các bị cáo thực hiện nên áp dụng hình phạt bổ sung ở mức 7.000.000đ đối với bị cáo Nguyễn Văn B, 5.000.000đ đối với bị cáo Vũ Đức Đ.

[4] Về vật chứng, xử lý vật chứng:

Trong vụ án, Cơ quan Điều tra đã thu giữ của Trương Văn T1 01 túi nilon bên trong chứa Methamphetamine, 01 điện thoại di động Nokia màu xanh trắng; thu giữ của Nguyễn Văn B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu đỏ đã qua sử dụng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Viva màu xanh BKS 34F4 – 2780 cùng 01 đăng ký xe mang tên Vũ Thị H2, số tiền 2.950.000đ; thu giữ của Vũ Đức Đ 01 điện thoại di động Nokia, 01 điện thoại di động Iphone 4 và số tiền 250.000đ.

Xét thấy số ma túy còn lại sau giám định thu giữ của Trương Văn T1 là vật Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Viva màu xanh BKS 34F4 – 2780 cùng 01 đăng ký xe mang tên Vũ Thị H2 thu giữ của Nguyễn Văn B. Xét thấy chiếc xe mô tô đứng tên chị Vũ Thị H2 là chủ xe, qua xác minh đã được chị H2 chuyển nhượng cho người khác sau đó bị cáo Nguyễn Văn B nhận chuyển nhượng lại. Bị cáo đã dùng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu đỏ đã qua sử dụng thu của Nguyễn Văn B là công cụ bị cáo dùng để liên lạc mua bán trái phép chất ma túy nên tịch thu sung vào công quỹ nhà nước.

Trong số tiền 2.950.000đ thu giữ của Nguyễn Văn B có 900.000đ là tiền bị cáo Nguyễn Văn B do phạm tội mà có và số tiền 250.000đ thu giữ của Vũ Đức Đ cũng là tiền bị cáo Vũ Đức Đ có được do phạm tội nên tịch thu sung vào công quỹ nhà nước

Đối với số tiền 2.050.000đ còn lại thu của Nguyễn Văn B và 01 điện thoại di động Nokia, 01 điện thoại di động Iphone 4 thu của Vũ Đức Đ là tài sản của các bị cáo, không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho các bị cáo nhưng cần tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của các bị cáo.

Đối với chiếc điện thoại Nokia màu xanh trắng là tài sản thuộc sở hữu của Trương Văn T1 nên trả lại cho Trương Văn T1 quản lý, sử dụng.

[5] Về những vấn đề khác:

Đối với Trương Văn T1 có hành vi mua trái phép chất ma túy nhưng lượng ma túy tàng trữ là 0,3388gam Methamphetamine, T1 chưa có tiền án về tội mua bán, tàng trữ, vận chuyển hoặc chiếm đoạt trái phép chất ma túy nên Công an huyện A đã ra quyết định xử lý hành chính và thông báo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục.

Đối với người phụ nữ tên H3 là người B khai đã đưa ma túy cho B bán cho T1 vào ngày 19 tháng 7 năm 2017 và người đàn ông bán ma túy cho Đ ở khu vực đường tàu Trần Nguyễn Hãn do chưa xác định được lai lịch, tên tuổi địa chỉ nên tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Về án phí: Theo quy định của pháp luật các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 254, 259, 260 và 326 Bộ luật Tố tụng Hình sự,

1/ Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn B và Vũ Đức Đ phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm b Khoản 2 Điều 194; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù của bị cáo Nguyễn Văn B tính từ ngày 20 tháng 7 năm 2017.

Áp dụng Khoản 1 Điều 194; Điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Vũ Đức Đ 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo Vũ Đức Đ tính từ ngày 21 tháng 7 năm 2017.

Áp dụng Khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Văn B 7.000.000đ, phạt bổ sung bị cáo Vũ Đức Đ 5.000.000đ để sung vào công quỹ nhà nước.

2/ Về xử lý vật chứng:

Áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 41, Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 1, các điểm a, b khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì dán kín, trong chứa ma túy còn lại sau giám định, đã được niêm phong lại, có chữ ký của Nguyễn Văn B, Trương Văn T1 và thành phần tham gia niêm phong, dấu niêm phong số 913/PC54 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an thành phố Hải Phòng, bên trong chứa 01 vỏ bao bì đựng mẫu vật gửi giám định và ma túy Methamphetamine còn lại sau giám định.

Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước số tiền 250.000đ thu giữ của Vũ Đức Đ và số tiền 900.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mastel màu đỏ đã qua sử dụng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Viva màu xanh BKS 34F4 – 2780 cùng 01 đăng ký xe mang tên Vũ Thị H3 thu giữ của Nguyễn Văn B.

Trả lại cho Nguyễn Văn B số tiền 2.050.000đ, cho Vũ Đức Đ 01 điện thoại di động Nokia, 01 điện thoại di động Iphone 4 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho Trương Văn T1 01 điện thoại Nokia màu xanh trắng đã thu giữ trong vụ án.

(Tình trạng, đặc điểm thể hiện theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Công an huyện A).

3/ Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, các bị cáo Nguyễn Văn B và Vũ Đức Đ mỗi người phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Các bị cáo có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong khoản tiền phạt nói trên thì hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại Khoản 1, Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện A;
- Công an huyện A; Phòng PV 27 CATP;
- Phòng PC 81 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án huyện A;
- UBND xã, phường nơi cư trú của bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu: Hồ sơ; HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Duy Thạch